

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ - ST  
Ngày 31-5-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Chang

*Các Hội thẩm nhân nhân:*

Bà Phan Thị Ngọc Mai;

Bà Lê Thị Phương Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; Có mặt

Địa chỉ: Số a, ấp Đ, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Bị đơn:** Ông Đặng Minh Đ, sinh năm 1993; Vắng mặt

Địa chỉ: Số b, ấp B, xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước, Tổng cục VIII, Bộ Công an đóng trên địa bàn xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Minh Đ chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú

Giáo, tỉnh Bình Dương. Việc ông bà sống chung và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu chung sống thì cuộc sống vợ chồng bà hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bà thường xuyên cãi nhau, ông Đ không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên ông Đ sửa đổi nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng trầm trọng nên từ tháng 6 năm 2017 vợ chồng bà sống ly thân với nhau. Đến tháng 9 năm 2018 thì ông Đ bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và hiện đang chấp hành án tại Trại giam An Phước, Tổng cục VIII, Bộ công an trên địa bàn xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Minh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông Đ có 01 con chung là Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/9/2017. Hiện nay con chung đang sống cùng bà. Khi đi đăng ký khai sinh thì bà và ông Đ sống ly thân nên trong giấy khai sinh bà không khai tên cha và khai sinh con theo họ mẹ. Hiện nay bà L đang làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng là 7.000.000đ đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Do đó, bà L yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đặng Minh Đ trình bày như sau:

Về hôn nhân: Ông Đ và bà L chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào năm 2015. Việc chung sống với nhau là do ông bà hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Cuộc sống chung vợ chồng ông bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Đến ngày 02/9/2018 thì ông bị bắt và xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy với thời hạn chấp hành hình phạt tù là 02 năm 09 tháng tù. Hiện nay, ông đang chấp hành án tại Trại giam An Phước, Tổng cục VIII, Bộ công an trên địa bàn xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Đối với yêu cầu ly hôn của bà L thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Đ và bà L có con chung là Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/9/2017. Ông đồng ý để bà L trực tiếp nuôi con theo yêu cầu của bà L.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, ông Đ có đơn xin vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Minh Đ chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về hôn nhân, ông Đ

đồng ý ly hôn với bà L, về con chung, ông Đ đồng ý để bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/9/2017. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông Đ, giao con chung Nguyễn Minh V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Minh Đ có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau tại xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Đặng Minh Đ có đơn xin vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Đặng Minh Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/5/2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Bà L và ông Đ đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà L cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên nguyên đơn tự nguyện xin ly hôn với bị đơn. Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Đ đồng ý ly hôn với nguyên đơn bà L. Do đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam An Phước nên bị đơn ông Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn và bị đơn không hòa giải được mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà L được ly hôn với bị đơn ông Đặng Minh Đ.

[3] Về con chung: Xét thấy, theo giấy khai sinh Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/9/2017 đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương vào ngày 07/11/2017, số 295, đăng ký đúng hạn. Trong giấy khai sinh không để họ tên cha nhưng nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận con chung Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/9/2017 nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, nguyên đơn hiện nay có công việc, thu nhập ổn định, cháu V còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cháu V, căn cứ vào các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xem xét giao cháu V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, các Điều 246, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Đặng Minh Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

2. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đặng Minh Đ.

3. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/9/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0026196 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Vũ Thị Chang**